TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 737/2022/DS-ST
Ngày: 16/3/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 786/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2022/QĐXX-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 798/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ngọc T, sinh năm 1994 (có yêu cầu vắng mặt)

Đại chỉ: Đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương

2. Bị đơn: 2.1. Ông Trần Quốc B, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tỉnh lộ X, Khu phố B, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Bà Nguyễn Thùy Mỹ D, sinh năm 1991 (vắng mặt)

HKTT: Đường Z, Tổ C, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc T thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 21/8/2019 ông Nguyễn Văn Ngọc T cho ông Trần Quốc B vay số tiền 400.000.000đồng, thời hạn vay là 01 (một tháng) từ ngày 21/8/2019 đến ngày 21/9/2019. Việc vay mượn hai bên có lập giấy tay cho vay tiền ghi ngày 21/8/2019, có bà Nguyễn Thùy Mỹ D là vợ ông B ký chung giấy nợ. Giấy này do ông B trực tiếp ghi nội dung. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền thì ông B và bà D đã bỏ đi nước ngoài mà không trả tiền cho ông. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông B trả tiền thông qua người nhà của ông B nhưng ông B cũng không trả. Ông T yêu cầu ông B và bà D trả cho ông số tiền 400.000.000đồng.

Ngày 26/10/2020, ông Nguyễn Văn Ngọc T có đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông chỉ yêu cầu ông Trần Quốc B trả cho ông số tiền 300.000.000đồng, không yêu cầu bà Nguyễn Thùy Mỹ D trả nợ cho ông.

Ngày 15/3/2022, ông Nguyễn Văn Ngọc T có bản tự khai trình bày, quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án, qua kết quả xác minh thì ông biết được ông B và bà D có đăng ký kết hôn hợp pháp. Nên ông yêu cầu cả ông B và bà D có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ 300.000.000đồng cho ông.

Bị đơn ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông B và bà D vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập cũng như không có bất kỳ văn bản nào trình bày về nội dung vụ án, không có bất kỳ ý kiến hay yêu cầu nào gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc T có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ tố tụng, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa theo quy định.

Về nội dung: Có căn cứ xác định ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thỳ Mỹ Duyên còn nợ ông Nguyễn Văn Ngọc T số tiền theo Giấy cho vay tiền ghi ngày 01/8/2019. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc T, buộc ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D thanh toán số tiền 300.000.000đồng.

Án phí và chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc T khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Quốc B có địa chỉ cư trú tại thành phố Thủ Đức, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đơn khởi kiện của Ông T phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông B, bà D vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D.

Ông Nguyễn Văn Ngọc T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ông T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D thanh toán toàn bộ số nợ 300.000.000đồng cho ông theo Giấy cho vay tiền ghi ngày 21/8/2019.

Theo nội dung Giấy cho vay tiền ghi ngày 21/8/2019 thì ông Nguyễn Văn Ngọc T cho ông Trần Quốc B vay số tiền 400.000.000đồng, thời điểm thanh toán nợ gốc là ngày 21/9/2019.

Căn cứ theo trình bày của ông Nguyễn Văn Ngọc T thì Ông T cho ông Trần Quốc B vay số tiền 370.000.000đồng thành hai lần, lần đầu là 200.000.000 đồng, lần sau là 170.000.000đồng. Tuy Giấy cho vay tiền ghi số tiền vay 2 lần

mỗi lần 200.000.000đồng nhưng thực tế lần đầu ông B và bà D nhận 200.000.000đồng, lần sau nhận 170.000.000đồng. Số tiền 30.000.000đồng Ông T sẽ chuyển khoản sau. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền 370.000.000đồng thì ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thị Thùy Duyên đã bỏ đi khỏi địa phương, ông không liên lạc được nên ông không chuyển số tiền 30.000.000đồng cho ông Trần Quốc B. Việc ông giao tiền cho ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D có được ghi hình lại và ông có chụp hình ảnh ông B đang ghi giấy nợ. Đến hạn thanh toán, ông tìm ông B nhiều lần nhưng không gặp, ông đã liên hệ với cha của ông B nhưng cũng không có kết quả, không biết ông B đi đâu.

Tại đoạn ghi hình do ông Nguyễn Văn Ngọc T nộp tại Tòa, thì bà Nguyễn Thùy Mỹ D và ông Trần Quốc B có thừa nhận đã nhận số tiền 370.000.000đồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng cho ông B nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ văn bản nào trình bày về nội dung vụ án và không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu chứng cứ nào. Như vậy, có căn cứ xác định ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D có vay tiền của ông Nguyễn Văn Ngọc T như Ông T trình bày.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Ngọc T thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông chỉ yêu cầu ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D trả cho ông số tiền 300.000.000đồng. Yêu cầu này có lợi hơn cho bị đơn ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D nên được ghi nhận.

Về nghĩa vụ thanh toán, tại Giấy cho vay tiền ghi ngày 21/8/2019 mục bên vay chỉ có tên ông Trần Quốc B. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thùy Mỹ D có ký tên phía dưới. Căn cứ theo nội dung Văn bản số 939/UBND ngày 24/9/2020 của Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72 ngày 24 tháng 5 năm 2019. Như vậy, có căn cứ buộc ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 300.000.000đồng cho ông Nguyễn Văn Ngọc T.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D trả cho ông Nguyễn Văn Ngọc T số tiền 300.000.000đồng theo Giấy cho vay tiền ghi ngày 21/8/2019.

Án phí dân sự sơ thẩm ông B, bà D phải nộp trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2, Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014)

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc T.

Buộc ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D phải trả cho ông Văn Ngọc Tài số tiền 300.000.000đồng theo Giấy cho vay tiền ghi ngày 21/8/2019.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quốc B và bà Nguyễn Thùy Mỹ D phải nộp 15.000.000đồng (mười lăm triệu) đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng theo Biên lai thu số 0056423 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thị Thanh